

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 16/6/2020

*V/v: Tranh chấp chia tài sản sau khi  
ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG - TỈNH BẮC GIANG**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô.  
Ông Dương M Thiết.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Luyện - KSV

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2020, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1978; (có mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Phan Văn H, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Cùng trú tại Thôn 4, xã NH, huyện LG, Bắc Giang.

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang do ông Bùi Văn Nguyên – Phó chủ tịch UBND xã đại diện theo ủy quyền. (vắng mặt)

2. Chị Phan Thị H1, sinh năm 1997. (vắng mặt)

3. Chị Phan Thị H2, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Cùng trú tại Thôn 4, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 264/2018/HNGĐ-ST, ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện LG đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị với anh Phan Văn H. Về tài sản chung của vợ chồng anh chị đã thỏa thuận:

Anh Phan Văn H được sở hữu 120m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 888, tờ bản đồ số 16, Thôn 4, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số AQ 119341 mang tên Phan Văn H và Đỗ Thị M; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03514 ngày 09/10/2009.

- Chị Đỗ Thị M được sở hữu 01 xe máy Future BKS 98K5-4861

Ngoài ra anh chị còn thỏa thuận chị được sở hữu và các công trình xây dựng trên phần đất hai vợ chồng khai H1ng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt gia đình khác.

Anh chị không đề nghị Tòa án công nhận trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 264/2018/HNGĐ-ST phần đất này cùng với các công trình gắn liền với đất vì là đất chưa hợp pháp, chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên anh chị có thỏa thuận bằng văn bản riêng là chị được hưởng phần tài sản này là điều kiện để anh H được quyền sở hữu 120m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 888, tờ bản đồ số 16, Thôn 4, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Mặc dù thỏa thuận như vậy nhưng anh H không tôn trọng sự thỏa thuận, tH xuyên gây chuyện quây phá khiến cuộc sống của chị không được yên ổn. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giao các tài sản chưa công nhận trong quyết định thuận tình ly hôn cho chị.

Quá trình giải quyết vụ án, chị đề nghị Tòa án chia đều tài sản bao gồm 120m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 888, cùng các tài sản là nhà ở, công trình phụ, đồ dùng sinh hoạt. Tại phiên tòa, chị rút yêu cầu chia phần đất 120m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 888, chỉ yêu cầu Tòa án giao cho chị được hưởng phần tài sản là nhà ở và các công trình xây dựng khác gắn liền với diện tích đất khai H1ng, chưa được cấp giấy CNQSDĐ, các đồ dùng sinh hoạt hàng ngày khác.

\* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện LG đã giao các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập nhưng anh Phan Văn H không đến làm việc, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/3/2020 và phiên tòa ngày 16/6/2020 không có lý do.

\*UBND xã NH do ông Bùi Văn Nguyên – Phó chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần đất tại Thôn 4, xã NH mà chị M, anh H xây dựng nhà và các công trình thuộc đất công ích do UBND xã NH quản lý. Do đất không phù hợp với quy hoạch sử dụng để có thể chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư nên UBND xã chưa cho thuê hoặc giao cho tổ chức, cá nhân nào sử dụng. Hiện tại UBND xã NH chưa sử dụng đến phần đất này nên tạm thời để cho chị M, anh H sử dụng, khi nào nào UBND xã sử dụng đến thì chị M, anh H phải trả cho UBND xã NH.

UBND xã xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

\*Chị Phan Thị H1, sinh năm 1997, Phan Thị H2, sinh năm 1999 trình bày:

Các chị đã trưởng thành và có công ăn, việc làm và thu nhập có thể tự nuôi sống bản thân, không có đóng góp gì vào khối tài sản chung mà chị M, anh H có tranh chấp nên các chị không có yêu cầu gì, đề nghị gì.

Chị H1 và chị H2 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

**\* Về tố tụng:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn mở lại phiên tòa theo quy định tại Điều 259 BLTTDS.

- Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS.

- Bị đơn không chấp hành pháp luật, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**\* Về hướng giải quyết vụ án:**

Đề nghị HĐXX:

- Tạm giao nhà ở và các công trình gắn liền với đất cho chị Đỗ Thị M quản lý, sử dụng.

- Giao cho chị M được quyền sở hữu các tài sản: 01 tét nước, 01 tủ lạnh, 01 TV Sony, 01 bộ bàn ghế gỗ keo, 01 tủ tường, 02 chiếc giường, 03 cây vải, 03 cây Xoan, 01 cây Sầu ...

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí, tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

**[1]. Về tố tụng:**

- Về quyền khởi kiện: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 264/2018/HNGĐ-ST, ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện LG đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị M với anh Phan Văn H. Tòa án nhân dân huyện LG đã ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung của chị M và anh H đối với một phần tài sản chung của vợ chồng, còn một số tài sản chưa giải quyết. Do đó chị M có quyền khởi kiện yêu cầu chia phần tài sản chung của vợ chồng đối với phần tài sản chưa giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Anh Phan Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phiên tòa ngày 20/3/2020 và tại phiên tòa ngày 20/4/2020 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vắng mặt anh H.

+ UBND xã NH, các chị Phan Thị H1, Phan Thị H2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vắng mặt những người nêu trên.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, chị M rút yêu cầu chia 120m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 888, tờ bản đồ số 16, Thôn 4, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét đối với diện tích đất này.

**[2]. Về tài sản chung:** Nguyên đơn đề nghị được sở hữu nhà ở và các công trình xây dựng, các tài sản khác có giá trị cụ thể theo biên bản định giá tài sản ngày 16/01/2020 như sau:

Nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 52,64m<sup>2</sup> có giá 31.979.000đ; nhà bếp loại C có diện tích 25,5m<sup>2</sup> có giá 2.397.000đ; công trình chăn nuôi loại C diện tích 32m<sup>2</sup> có giá 2.176.000đ; 11,75m<sup>2</sup> mái lợp tôn có giá 1.880.000đ; Sân vôi diện tích 110,1m<sup>2</sup> có giá 661.000đ; 01 giếng KH1n sâu 30m có giá 390.000đ; 01 téc nước 1.500lít có giá 500.000đ; 01 tủ lạnh Sanyo có giá 3.000.000đ; 01 TV Sony có giá 5.000.000đ; 01 bộ bàn ghế gỗ keo có giá 5.000.000đ; 01 tủ tường có giá 100.000đ; 02 chiếc giường có giá 1.000.000đ; 03 cây vải có giá 3.255.000đ; 03 cây Xoan có giá 462.000đ; 01 cây Sầu giá 200.000đ.

HĐXX thấy rằng, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 264/2018/HNGĐ-ST, ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện LG đã công nhận thuận tình ly hôn và ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng chị M, anh H như sau:

“ - Anh Phan Văn H được sở hữu 120m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 888, tờ bản đồ số 16, Thôn 4, xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 119341 mang tên Phan Văn H và Đỗ Thị M; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03514 ngày 09/10/2009.

- Chị Đỗ Thị M được sở hữu 01 xe máy Future BKS 98K5-4861”.

Các đương sự thỏa thuận tài sản như trên với điều kiện là chị Đỗ Thị M được sở hữu nhà ở và các công trình xây dựng trên đất khai H1ng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ tại thôn 4, xã NH, cùng toàn bộ các đồ dùng sinh hoạt như đã định giá nêu trên (biên bản thỏa thuận riêng).

HĐXX thấy rằng, sự thỏa thuận về tài sản của chị M và anh H tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 264/2018/HNGĐ-ST là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy Tòa án đã công nhận 120m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 888, tờ bản đồ số 16, Thôn 4, xã NH thuộc quyền sở hữu của anh Phan Văn H thì nay cần giao cho chị Đỗ Thị M được quyền sở hữu 01 nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 52,64m<sup>2</sup>; nhà bếp loại C có diện tích 25,5m<sup>2</sup>; công trình chăn nuôi loại C diện tích 32m<sup>2</sup>; 11,75m<sup>2</sup> mái lợp tôn; Sân vôi diện tích 110,1m<sup>2</sup>; 01 giếng KH1n sâu 30m; 01 téc nước 1.500lít; 01 tủ lạnh Sanyo; 01 TV Sony; 01 bộ bàn ghế gỗ keo; 01 tủ tường; 02 chiếc giường; 03 cây Vải; 03 cây Xoan; 01 cây Sầu để sự thỏa thuận của các đương sự được đảm bảo bằng một bản án có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Chị Đỗ Thị M phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Chị Đỗ Thị M nhận chịu cả 5.000.000.đ tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ (số tiền này chị M đã nộp và thanh toán xong)

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 2 Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 157, 163, 165, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**[1].** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị M về việc chia tài sản chung của vợ chồng với anh Phan Văn H.

- Tạm giao cho chị Đỗ Thị M được quyền sở hữu và sử dụng 01 căn nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 52,64m<sup>2</sup> có giá 31.979.000đ; 01 nhà bếp loại C có diện tích 25,5m<sup>2</sup> có giá 2.397.000đ; 01 công trình chăn nuôi loại C diện tích 32m<sup>2</sup> có giá 2.176.000đ; 11,75m<sup>2</sup> mái lợp tôn có giá 1.880.000đ; Sân vôi diện tích 110,1m<sup>2</sup> có giá 661.000đ; 01 giếng KH1n sâu 30m có giá 390.000đ.

Toàn bộ các tài sản trên gắn liền với diện tích đất công ích thuộc quyền quản lý của UBND xã NH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Chị M có trách nhiệm tháo dỡ các công trình trên để trả lại đất cho UBND xã NH khi có yêu cầu.

- Giao cho chị Đỗ Thị M được quyền sở hữu 01 tẻ nước 1.500lít có giá 500.000đ; 01 tủ lạnh Sanyo có giá 3.000.000đ; 01 TV Sony có giá 5.000.000đ; 01 bộ bàn ghế gỗ keo có giá 5.000.000đ; 01 tủ tường có giá 100.000đ; 02 chiếc giường có giá 1.000.000đ; 03 cây vôi có giá 3.255.000đ; 03 cây Xoan có giá 462.000đ; 01 cây Sầu giá 200.000đ.

Tổng tài sản trị giá 58.000.000đ.

**[2]. Về án phí, chi phí tố tụng khác:**

- Chị Đỗ Thị M phải chịu 2.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 8.250.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007346 ngày 19/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Hoàn trả chị M 5.350.000đ tiền tạm ứng án phí.

- Chị Đỗ Thị M nhận chịu cả 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**[3]. Về quyền kháng cáo:**

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện LG;
- THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- UBND xã NH
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Ngữ**